

PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

HOÀNG MAI HƯƠNG^(*)

Bạo lực gia đình dưới mọi hình thức đang diễn ra ở khắp nơi trên thế giới và được coi là một tội. Bạo lực gia đình là hành vi không thể chấp nhận được trong xã hội hiện đại, bởi nó xâm phạm quyền và chà đạp nhân phẩm của con người, làm tổn hại đạo đức, thuần phong mỹ tục của cộng đồng. Chính vì vậy, trên bình diện quốc tế nói chung và ở phạm vi từng quốc gia nói riêng, bạo lực gia đình luôn bị lên án và cần bị loại bỏ.

Trên thế giới hiện nay, cứ 3 phụ nữ thì có 1 người bị đánh, bị cưỡng ép tình dục hoặc bị hành hạ và đa số thủ phạm đều là người trong gia đình. Còn ở Việt Nam, bạo lực gia đình vẫn diễn ra ở mức độ khá nghiêm trọng. Nhiều nghiên cứu ở các quy mô khác nhau đã cho thấy một bức tranh đáng lo ngại về thực trạng bạo lực gia đình ở Việt Nam. Theo kết quả khảo sát của Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, trong số 2000 người được hỏi tại 8 tỉnh, thành phố năm 2006, hàng năm có 2,3% gia đình có các hành vi bạo lực về thể chất (đánh đập), 25% có hành vi bạo lực tinh thần và 30% cặp vợ chồng có xảy ra hiện tượng ép buộc quan hệ tình dục. Còn

theo kết quả cuộc Điều tra gia đình Việt Nam năm 2006, khảo sát 9.300 hộ gia đình cho thấy, trong 12 tháng trước khảo sát có 21,2% gia đình xảy ra một trong ba hình thức bạo lực giữa vợ và chồng là đánh, mắng chửi hay ép quan hệ tình dục (chủ yếu là chồng đối với vợ). Ngoài ra, các cuộc khảo sát cũng nêu lên những thực trạng đáng quan ngại về tình trạng con cháu ngược đãi ông bà, bố mẹ hoặc bố mẹ đối xử tàn tệ với con cái. Các kết quả nghiên cứu cũng cho thấy một tỉ lệ đáng kể trong các vụ tự tử của thanh niên là do bị bố mẹ rầy la về quan hệ nam nữ hay bị ép buộc lấy vợ, lấy chồng.

Từ thực trạng bạo lực gia đình ở trên cho thấy, bạo lực gia đình đang diễn ra ở mức báo động và nó gây ra những hậu quả khôn lường, trước hết là vi phạm nghiêm trọng đến quyền con người, quyền được sống, quyền được tôn trọng về danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân.

^(*) ThS., Viện Nghiên cứu Quyền Con người, Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

Nhận thức rõ được tính cấp bách của công tác phòng, chống bạo lực gia đình (PCBLGD), Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ban hành một số văn bản liên quan trực tiếp và gián tiếp đến PCBLGD. Về phương diện nghĩa vụ quốc tế, với tư cách là quốc gia thành viên của Công ước về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Việt Nam đã có những tiếp cận theo đúng cách tiếp cận của Công ước đối với bình đẳng và bình đẳng giới. Đó là trong hệ thống pháp luật của Việt Nam, từ Hiến pháp đến các đạo luật đều khẳng định một nguyên tắc bình đẳng nam nữ và không có bất kỳ sự phân biệt nào trên cơ sở giới trong mọi lĩnh vực. Về phương diện quốc gia, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương và chính sách về PCBLGD. Ví dụ như Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; Quyết định số 106/2005/QĐ-TTg ngày 16/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010. Bên cạnh đó, vấn đề bạo lực gia đình còn được nhắc đến trong Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm (2006- 2010), trong đó: “*đấu tranh PCBLGD*” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, ngành phải thực hiện trong giai đoạn này.

Ngoài ra, trước khi Luật PCBLGD được ban hành, việc điều chỉnh các mối quan hệ có liên quan đến bạo lực gia đình đã được quy định tại nhiều văn bản pháp luật như Hiến pháp năm 1992; Luật Hôn nhân và gia đình, Luật

Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Bộ luật Dân sự; Bộ luật Tố tụng dân sự; Bộ luật Hình sự; Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính; Pháp lệnh về người cao tuổi... Cụ thể, Hiến pháp 1992 có riêng một điều khoản đề cập đến vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, về giữ gìn và phát huy những truyền thống và những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Truyền thống tốt đẹp đó là "Cha mẹ có trách nhiệm nuôi dạy con thành những công dân tốt, con cháu kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ" (Điều 64), vợ chồng phải thương yêu nhau, bình đẳng và không phân biệt đối xử.

Có thể thấy những văn bản chính sách và pháp luật trên đây đã phần nào góp phần tích cực trong công tác PCBLGD. Tuy nhiên, rõ ràng là hiệu quả của những văn bản chính sách và pháp luật này đem lại chưa được như chúng ta mong muốn.

Với mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam văn minh trong một thế giới hiện đại, Đảng và Nhà nước Việt Nam quyết tâm loại trừ bạo lực gia đình, vì ngoài tính chất tội ác của nó, bạo lực gia đình còn trái với thuần phong mỹ tục, truyền thống nhân văn tốt đẹp của người Việt Nam. Hướng tới mục tiêu đó, ngày 21/11/2007, tại Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khoá XII của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/7/2008 là một bước tiến tích cực nữa trong quá trình xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tiếp tục hoàn thiện hệ

thống pháp luật bảo đảm các quyền con người của Việt Nam.

Trong phạm vi bài viết này, tác giả trình bày một vài suy nghĩ ban đầu về các quy định cụ thể về PCBLGD trong Luật PCBLGD và một số giải pháp để Luật PCBLGD thực sự có hiệu quả trên thực tế.

I. Luật PCBLGD – các quy định cụ thể về PCBLGD

Luật PCBLGD gồm 6 chương và 46 điều với những nội dung cơ bản sau:

Chương I: “Những quy định chung” gồm 8 điều (từ điều 1 đến điều 8) quy định về phạm vi điều chỉnh; các hành vi bạo lực gia đình; nguyên tắc PCBLGD; nghĩa vụ của người có hành vi bạo lực gia đình; quyền và nghĩa vụ của nạn nhân bạo lực gia đình; chính sách của Nhà nước, hợp tác quốc tế về PCBLGD và những hành vi bị nghiêm cấm.

Theo điều 1: *“bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình”*, phạm vi điều chỉnh của Luật này khá rộng, đó là tất cả các hành vi cố ý của thành viên gia đình, kể cả đối với những gia đình có cặp vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng, nhằm mục đích bảo vệ được tất cả các thành viên gia đình, không bỏ lọt tội phạm.

Cùng với phạm vi điều chỉnh, Luật PCBLGD còn quy định rất cụ thể về “các hành vi bạo lực gia đình” tại điều 2. Điều 2 đã liệt kê tất cả các hành vi được coi là hành vi của bạo lực gia đình. Một điểm mới và hết sức tiến bộ nữa trong

điều 2 là quy định cả hành vi *“ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau...”*. Theo quy định này thì tất cả những hành vi ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình đều bị xử lý.

Cũng như các đạo luật khác, Luật PCBLGD Việt Nam cũng quy định *“nguyên tắc PCBLGD”*. Nguyên tắc PCBLGD dựa trên biện pháp phòng ngừa là chính, kết hợp bảo vệ kịp thời tính mạng, sức khỏe của nạn nhân không để xảy ra hậu quả nghiêm trọng nhằm xây dựng và củng cố gia đình Việt Nam. Nguyên tắc này được quán triệt xuyên suốt toàn bộ 46 điều luật, thể hiện được lòng khoan dung, nhân đạo của Nhà nước và nhân dân Việt Nam.

Chương II: “Phòng ngừa bạo lực gia đình” gồm 3 mục và 9 điều (từ điều 9 đến điều 17) quy định về thông tin, tuyên truyền về PCBLGD; hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình; tư vấn, góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư về phòng ngừa bạo lực gia đình.

Nội dung Chương II thể hiện quan điểm coi trọng giải pháp ngăn ngừa bạo lực gia đình là chính và chú trọng tới các giải pháp giáo dục tại cộng đồng, phát huy hết khả năng và vai trò của gia đình và dòng họ, quy định phát hiện, xử lý sớm từ mâu thuẫn, xích mích nhỏ không để phát sinh thành mâu thuẫn lớn gây bạo lực gia đình. Việc xử lý xích mích, mâu thuẫn nhỏ thông qua các biện pháp hoà giải cơ sở, các biện pháp hỗ trợ cai nghiện rượu, chữa bệnh tâm

thần vì trên thực tế, 60-70% các trường hợp bạo lực gia đình xuất phát trực tiếp từ nghiện rượu và mụn rượu.

Chương III: “Bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình” gồm 2 mục và 13 điều (từ điều 18 đến điều 30) quy định về phát hiện, báo tin về bạo lực gia đình; biện pháp ngăn chặn, bảo vệ; cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; cấm tiếp xúc theo quyết định của Tòa án; giám sát thực hiện quyết định cấm tiếp xúc; chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tư vấn cho nạn nhân bạo lực gia đình; hỗ trợ khẩn cấp các nhu cầu thiết yếu; cơ sở trợ giúp nạn nhân bạo lực gia đình; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở bảo trợ xã hội; cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình và cơ sở tư vấn về PCBLGD; địa chỉ tin cậy ở cộng đồng.

Thực tế cho thấy, một số trường hợp bạo lực gia đình gây hậu quả rất nghiêm trọng, đe dọa đến tính mạng của nạn nhân, nếu không có biện pháp cấm tiếp xúc để cách ly giữa họ thì sẽ có nguy cơ chuyển thành tội phạm hoặc thậm chí án mạng có thể xảy ra. Vì vậy, biện pháp cấm tiếp xúc là một trong những giải pháp đặc biệt và hữu ích để bảo vệ nạn nhân, giảm thiểu hậu quả bạo lực gia đình, hạn chế tội phạm....

Chương IV: “Trách nhiệm của cá nhân, gia đình, cơ quan, tổ chức trong PCBLGD” gồm 11 điều (từ điều 31 đến điều 41) quy định về trách nhiệm của cá nhân, gia đình; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; trách nhiệm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; cơ quan quản lý nhà nước về PCBLGD; trách nhiệm của

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; trách nhiệm của Bộ Y tế; Bộ lao động, Thương binh và Xã hội; Bộ Giáo dục và Đào tạo, nhà trường và các cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân; trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan thông tin đại chúng; trách nhiệm của cơ quan Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát...

Ba nội dung nổi bật trong chương này là, *một*, đã có 1 quy định mới, rất cụ thể về trách nhiệm giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về PCBLGD cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (điều 35). Đây là một vấn đề đang bị bỏ ngỏ từ trước đến nay và rất cần thiết để giúp cho Chính phủ có thể chỉ đạo, triển khai thực hiện một cách có hiệu quả công tác PCBLGD. *Hai*, một lần nữa vai trò của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam được nhấn mạnh và quy định chi tiết tại điều 34. Điều này thể hiện tầm quan trọng của một tổ chức đoàn thể xã hội mà số lượng hội viên chiếm 50% dân số, mặt khác, trên thực tế, PCBLGD là một trong những chương trình trọng điểm của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. *Ba*, một điểm đáng chú ý nữa là trong khoản 5 điều 35 quy định “*trách nhiệm báo cáo kết quả PCBLGD tại địa phương cho Ủy ban Nhân dân cấp xã*”.

Chương V: “Xử lý vi phạm pháp luật về PCBLGD và khiếu nại, tố cáo” gồm 3 điều (từ điều 42 đến điều 44) quy định về xử lý người có hành vi vi phạm pháp luật về PCBLGD; áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, đưa vào cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Theo chương này, tất cả mọi người có hành vi vi phạm pháp luật về

PCBLGD tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đặc biệt nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VI: “Điều khoản thi hành” gồm 2 điều (điều 45 và 46) quy định về hiệu lực thi hành và hướng dẫn thi hành.

II. Những khó khăn trong việc thực thi các quy định của Luật PCBLGD

Luật PCBLGD Việt Nam đến nay đã có hiệu lực được hơn 3 tháng. Công tác triển khai, phổ biến các quy định của Luật đang trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, qua xem xét, có thể nhận thấy một số khó khăn trong quá trình thực thi Luật PCBLGD như sau:

Thứ nhất, cho đến nay, cơ quan quản lý nhà nước về PCBLGD vẫn chưa xây dựng xong kế hoạch hành động PCBLGD cũng như chưa thông qua 2 Nghị định hướng dẫn thi hành Luật này. Đây là một trong những khó khăn cho việc triển khai áp dụng Luật trong thực tiễn. Và như vậy, sẽ có trường hợp nạn nhân của các vụ bạo lực gia đình không được bảo vệ kịp thời. Thiết nghĩ, để một đạo luật thực sự đi vào cuộc sống, khi ban hành, các nhà làm luật, ngoài việc xây dựng các quy định cụ thể trong luật đó, còn phải xem xét ngay đến các văn bản hướng dẫn thi hành để tránh tình trạng luật ban hành rồi, có hiệu lực rồi nhưng vẫn còn gây tranh cãi trong quá trình thực thi vì chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể.

Thứ hai, tuy Luật đã được ban hành nhưng vẫn còn có ý kiến băn khoăn về

phạm vi điều chỉnh của Luật PCBLGD. Theo khoản 2 điều 2, “*việc quy định hành vi bạo lực được áp dụng đối với thành viên gia đình của vợ, chồng đã ly hôn hoặc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng*” cũng là hành vi bạo lực gia đình là mặc nhiên công nhận tình trạng hôn nhân thực tế, trái với quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Ngoài ra, đối tượng điều chỉnh của Luật này quá rộng, ngoài phạm vi gia đình. Vì vậy, nếu Luật này bảo vệ cả đối tượng là nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì cơ quan thực thi, giám sát Luật rất khó triển khai, khó xác định trường hợp nào là bạo lực gia đình và trường hợp nào là bạo lực ngoài xã hội để có biện pháp xử lý thích hợp.

Thứ ba, một số quy định của Luật PCBLGD còn chung chung, do đó, cần sớm cụ thể nó trong các văn bản hướng dẫn thi hành. Chẳng hạn, về các hành vi bạo lực gia đình (điều 2), mục đ khoản 1: “*cưỡng ép quan hệ tình dục*”. Thực tế cho thấy hành vi bạo lực tình dục trong gia đình ở nước ta tuy có xảy ra nhưng lại được coi là chuyện riêng trong mỗi gia đình, do đó cơ quan có thẩm quyền không thể biết được để xem xét, xử lý. Hơn nữa, rất khó thu thập căn cứ để xác định một người có hành vi bạo lực tình dục trong gia đình. Do đó, hành vi bạo lực tình dục cần được xem như là một hình thức bạo lực về thể chất và tinh thần mà thôi.

Thứ tư, việc thay đổi và sáp nhập cơ cấu tổ chức thời gian qua giữa Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em – cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm chính về các

vấn đề gia đình trước đây - với ngành Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã để lại khoảng trống không nhỏ về mặt quản lý nhà nước trong lĩnh vực gia đình. Ở nhiều địa phương, bộ phận phụ trách các vấn đề gia đình chỉ là một mảng nhỏ trong ngành văn hoá, thể thao và du lịch; thiếu cán bộ chuyên trách hoặc nếu có thì trình độ và chuyên môn về các vấn đề gia đình của cán bộ rất yếu kém; việc phân công chức năng, nhiệm vụ chưa rõ ràng, thậm chí là bỏ ngỏ, dẫn đến tình trạng việc thì có nhưng trách nhiệm không thuộc về ai. Sự thiếu ổn định về mặt tổ chức và cán bộ như thế chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới việc triển khai, giám sát thực thi Luật PCBLGD ở địa phương.

III. Một số giải pháp để Luật PCBLGD thực sự có hiệu quả

Từ thực trạng của nạn bạo lực trong gia đình và những khó khăn trong việc triển khai thực thi Luật PCBLGD trong thực tiễn được nêu ở trên cho thấy, để Luật này thực sự đi vào cuộc sống, cũng như để công tác PCBLGD được hiệu quả, tác giả bài viết xin đề xuất một số giải pháp mang tính tổng hợp như sau:

- Một là, khẩn trương xây dựng khung pháp lý về PCBLGD như xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật PCBLGD và Nghị định về quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực PCBLGD. Đồng thời, xây dựng và ban hành thông tư hướng dẫn của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình hành động quốc gia về PCBLGD. Ngoài ra, cơ quan quản lý nhà nước về PCBLGD cần rà soát và đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc lĩnh

vực quản lý để bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành mới các văn bản phù hợp với Luật PCBLGD và các điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

- Hai là, cần tích cực truyền thông vận động nhằm nâng cao nhận thức của người dân về Luật PCBLGD và từ đó có thể chuyển đổi hành vi về PCBLGD. Cụ thể là tổ chức các cuộc tập huấn, đào tạo về chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCBLGD không chỉ cho cán bộ lãnh đạo các ban ngành đoàn thể và những người có uy tín trong cộng đồng, mà còn tập huấn cho chính những người dân trong cộng đồng, đặc biệt là những gia đình vốn hay có va chạm, xích mích. Để công tác truyền thông vận động thay đổi nhận thức có hiệu quả, cần xây dựng bộ tài liệu truyền thông cụ thể và xây dựng kế hoạch truyền thông rõ ràng như hình thức truyền thông, lồng ghép truyền thông PCBLGD vào những Ngày Gia đình Việt Nam, Quốc tế Thiếu nhi,... thậm chí lồng ghép tuyên truyền qua các chương trình giáo dục công dân của các cấp phổ thông, đại học.

- Ba là, sớm hoàn thiện bộ máy, tổ chức và bố trí đủ cán bộ, đồng thời phân công rõ trách nhiệm về chức năng quản lý về các vấn đề gia đình nói chung, PCBLGD nói riêng.

- Bốn là, nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ ngành văn hoá, thông tin và du lịch ở tất cả các cấp về PCBLGD như xây dựng tài liệu đào tạo, thông qua tổ chức tập huấn cho cán bộ ngành văn hoá thể thao và du lịch.

- Năm là, củng cố và xây dựng mạng lưới hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình. Cụ thể là phối hợp với các bộ, ban ngành để thực thi PCBLGD có hiệu quả như phối hợp với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội để củng cố trung tâm bảo trợ xã

hội tại các tỉnh, thành phố; phối hợp với Bộ Y tế để nâng cao năng lực các cơ sở khám chữa bệnh; phối hợp với Bộ Tư pháp để củng cố, nâng cao năng lực hoạt động hoà giải cơ sở, xây dựng mạng lưới tư vấn gia đình, PCBLGD tại cộng đồng; xây dựng cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình; xây dựng mạng lưới địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; thường xuyên kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình Việt Nam, tháng 11/2007.
2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 1992.
3. Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.
4. Quyết định số 106/2005/QĐ-TTg ngày 16/5/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2005-2010.
5. Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam, năm 2000.
6. Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2000.
7. Tờ trình dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Ủy ban về các vấn đề xã hội- Quốc hội khoá XI được trích trong Thông tin Khoa học xét xử, năm 2006.
8. Báo cáo thẩm tra Dự án Luật Phòng, chống bạo lực gia đình của Ủy ban Pháp luật- Quốc hội khoá XI được trích trong Thông tin Khoa học xét xử, năm 2006.
9. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em (trước đây), Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Viện Nghiên cứu gia đình và giới (Viện Khoa học xã hội Việt Nam)... Báo cáo Điều tra gia đình Việt Nam 2006. H.: Hà Nội, 2008.

(tiếp theo trang 62)

Nhân loại học tôn giáo, xã hội học tôn giáo, tâm lý học tôn giáo, ngôn ngữ học tôn giáo và văn hoá học tôn giáo là các vấn đề được đề cập đến trong phần một của cuốn sách. Các tác giả đã đi từ phân tích nguyên lý ma thuật; khảo sát lịch trình của sinh mệnh; lễ thành niên và lễ an táng; khái thị của tôn giáo nguyên thủy đến xem xét về lịch sử văn hoá; luân lý tôn giáo thế tục hoá; khảo sát tôn giáo cá nhân; phân tích mối quan hệ giữa nhân cách và tâm lý tôn giáo; tác động giữa tâm lý văn hoá và biến thiên xã hội; mối quan hệ giữa văn hoá tôn giáo và ý thức của con người...

Phần hai của cuốn sách đi sâu phân tích những vấn đề được coi là tiêu điểm

của tôn giáo học, đó là mối quan hệ giữa tôn giáo với các vấn đề khác như: lý trí, tình cảm, ý chí, mối quan tâm "tối thượng" và đối thoại của con người. Các tác giả đã làm rõ nguyên nhân của sự xung đột giữa hai thế giới quan mới và cũ xuất phát từ xung đột giữa tôn giáo và khoa học; quan điểm hai mặt của lý trí luận; nguyên nhân của cuộc đấu tranh giữa tín ngưỡng và tri thức. Ngoài ra, các tác giả còn đề cập đến bản chất của tín ngưỡng; sự lựa chọn tín ngưỡng; chủ nghĩa thực dụng; sự xung đột của quan niệm chân lý; quan điểm đối thoại của thôn tính luận và của đa nguyên...

HOÀI PHÚC